

LÊ
ĐÌNH
THÁI

Digitally signed by LÊ ĐÌNH THÁI
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Phường
Tứ Liên, OU=CÔNG TY CỔ
PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN
LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM, T=Kế
toán trưởng, CN=LÊ ĐÌNH THÁI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=C
GCD:031081004448
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2026.08.20 16:41:48+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 10/03/2026 do Phòng đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp về việc cập nhật địa giới hành chính và thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 10/03/2026 là 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với Mã chứng khoán PPS.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Tầng 7, Tòa nhà Hồn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Văn Đức	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 01/01/2026)
Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01/01/2026)
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Ủy viên
Ông Vũ Huy An	Ủy viên
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên
Bà Nghiêm Thị Phụng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2026)
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2026)
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

Số: 356/2026/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, được lập ngày 17 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC

DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B01a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	(Trình bày lại) VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+160)	100		215.677.776.924	279.925.376.860
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	18.838.263.837	38.709.408.274
1. Tiền	111		17.815.037.756	12.353.461.561
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.023.226.081	26.355.946.713
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	52.908.858.904	25.651.225.835
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		52.908.858.904	25.651.225.835
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.997.623.832	135.386.816.897
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	72.916.069.823	131.436.766.910
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	7.263.225.021	3.492.052.810
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	4.818.328.988	457.997.177
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	56.604.626.629	76.384.337.636
1. Hàng tồn kho	141		56.604.626.629	76.384.337.636
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		2.328.403.722	3.793.588.218
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.7	1.595.696.117	717.427.419
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		732.707.605	3.076.160.799
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+260+270)	200		48.322.993.322	48.026.922.270
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		337.860.000	337.860.000
5. Phải thu dài hạn khác	215	5.5	337.860.000	337.860.000
II. Tài sản cố định	220		19.693.961.612	17.944.086.643
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	19.693.961.612	17.944.086.643
- Nguyên giá	222		101.996.310.955	97.632.740.807
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.302.349.343)	(79.688.654.164)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		2.288.155.290	2.288.155.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.288.155.290)	(2.288.155.290)
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	5.040.000.000	5.040.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		5.040.000.000	5.040.000.000
VII Tài sản dài hạn khác	270		23.251.171.710	24.704.975.627
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.7	23.251.171.710	24.704.975.627
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		264.000.770.246	327.952.299.130

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC

DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B01a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ(TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	(Trình bày lại) VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		75.128.759.686	142.320.833.559
I. Nợ ngắn hạn	310		75.128.759.686	142.320.833.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	8.496.485.957	96.531.968.997
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	6.444.653.696	12.861.004.426
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.12	1.201.627.884	1.201.627.884
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.13	914.193.334	1.963.034.191
5. Phải trả người lao động	315		14.626.836.053	24.044.202.144
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.14	309.810.037	735.878.909
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	5.15	36.818.182	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.16	2.894.495.831	3.538.008.678
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.17	38.645.278.240	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.558.560.472	1.445.108.330
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.18	188.872.010.560	185.631.465.571
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.686.994.576	20.686.994.576
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18.185.015.984	14.944.470.995
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		11.956.024.893	2.240.486
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		6.228.991.091	14.942.230.509
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		264.000.770.246	327.952.299.130
(440 = 300+400)				

Người lập



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B02a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	185.105.305.730	139.024.917.669
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		185.105.305.730	139.024.917.669
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	162.560.813.572	114.095.793.604
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		22.544.492.158	24.929.124.065
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	1.657.180.734	1.162.682.573
8. Chi phí tài chính	23	6.4	20.370.826	-
Trong đó: Chi phí đi vay	24		20.370.826	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	16.376.986.319	18.386.293.112
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}	30		7.804.315.747	7.705.513.526
12. Thu nhập khác	31	6.6	11.782.407	-
13. Chi phí khác	32	6.6	83.754.375	25.749.219
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(71.971.968)	(25.749.219)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.732.343.779	7.679.764.307
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.503.352.688	1.584.334.506
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.228.991.091	6.095.429.801
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	415	307

Người lập



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026



Vũ Anh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B03a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

CHỈ TIÊU	MS TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.732.343.779	7.679.764.307
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.613.695.179	2.088.766.372
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(1.637.417.277)	(1.162.682.573)
- Chi phí đi vay	06	20.370.826	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.728.992.507	8.605.848.106
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	52.732.646.259	71.992.639.034
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	19.779.711.007	12.633.161.567
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(105.123.405.032)	(51.348.288.115)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	575.535.219	(374.024.339)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.351.122.737)	(1.692.821.331)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.874.993.960)	(2.526.741.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(28.532.636.737)	37.289.773.922
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.363.570.148)	(132.600.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(47.000.000.000)	(77.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.240.000.000	23.300.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.139.784.208	1.246.903.666
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(29.983.785.940)	(52.685.696.334)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	38.645.278.240	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(20.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	38.645.278.240	(20.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(19.871.144.437)	(15.416.172.412)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5.1	38.709.408.274	33.909.703.026
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70 5.1	18.838.263.837	18.493.530.614

Người lập



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 10/03/2026 do Phòng đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp về việc cập nhật địa giới hành chính và thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 10/03/2026 là 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với Mã chứng khoán PPS.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 416 người (tại ngày 31/12/2025 là 441 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác
Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện - điện tử và tự động hoá cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV, công suất đến 4.000MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
Chi tiết: Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV và công suất đến 4.000MW;
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác
Chi tiết:
 - + Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
 - + Bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống kỹ thuật tòa nhà.
 - + Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống phòng cháy và chữa cháy.
- Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo
- Chi tiết:
 - + Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
 - + Thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí, điện gió, điện mặt trời, điện khác (điện rác).
- ...

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Cung cấp dịch vụ sửa chữa nhà máy điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cà Mau	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm thí nghiệm điện	Đà Nẵng	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2026.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị ghi sổ bao gồm gốc và lãi được hưởng đến ngày lập Báo cáo tài chính, sau khi trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy Công ty không có khả năng thu hồi hoặc khó có khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu của Công ty theo các quy định kế toán hiện hành.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 07
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Các khoản chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua). Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết, khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá (hàng hóa, thành phẩm), cung cấp dịch vụ (ủy thác nhập khẩu, cho thuê mặt bằng,...).

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kế cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là vận hành và sửa chữa nhà máy điện trên lãnh thổ Việt Nam, các hoạt động kinh doanh khác và trên các khu vực địa lý khác chiếm tỷ trọng không đáng kể... Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	851.728.600	809.797.770
Tiền gửi không kỳ hạn (i)	15.061.471.016	11.543.663.791
Tiền đang chuyển	1.901.838.140	-
Tương đương tiền (ii)	1.023.226.081	26.355.946.713
Cộng	18.838.263.837	38.709.408.274

(i) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn:

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	2.102.876.024	1.986.435.949
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	9.471.373.189	7.205.786.218
Đối tượng khác	3.487.221.803	2.351.441.624
Cộng	15.061.471.016	11.543.663.791

(ii) Chi tiết tương đương tiền:

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	1.023.226.081	11.001.972.603
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	-	15.353.974.110
Cộng	1.023.226.081	26.355.946.713

Tại ngày 30/06/2026, các khoản tương đương tiền của Công ty là các khoản tiền gửi kỳ hạn 3 tháng được gửi tại ngân hàng thương mại với lãi suất 4,75%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, Tòa nhà Hồn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2026				01/01/2026 (Trình bày lại)			
	Giá gốc		Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc		Giá trị có thể thu hồi	
Ngắn hạn								
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>								
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	52.908.858.904	52.908.858.904	-	-	25.651.225.835	25.651.225.835	-	-
	52.170.000.000	52.170.000.000	-	-	25.410.000.000	25.410.000.000	-	-
	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-	10.240.000.000	10.240.000.000	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	5.170.000.000	5.170.000.000	-	-	5.170.000.000	5.170.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
<i>Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn</i>	738.858.904	738.858.904	-	-	241.225.835	241.225.835	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	596.164.384	596.164.384	-	-	169.675.397	169.675.397	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	64.447.945	64.447.945	-	-	58.399.753	58.399.753	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	78.246.575	78.246.575	-	-	13.150.685	13.150.685	-	-
Cộng	52.908.858.904	52.908.858.904	-	-	25.651.225.835	25.651.225.835	-	-

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng với lãi suất từ 3,5%/năm đến 8,00%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Tòa nhà Hồn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

- 5.2 Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Vốn nắm giữ biểu quyết	Quyền	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Đầu tư vào đơn vị khác			5.040.000.000		-	5.040.000.000
Công ty cổ phần Công nghệ						
Thông tin Viễn thông và Tự động	11,9%	11,9%	5.040.000.000	(i)	-	(i)
hoá Dầu khí						
Cộng			5.040.000.000		-	5.040.000.000

(i) Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	72.916.069.823	-	131.436.766.910	-
Chi nhánh phát điện dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	-	-	29.943.406.509	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	42.147.346.836	-	53.387.763.945	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	5.186.297.600	-	5.080.885.046	-
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Thuận Thiên	4.287.721.655	-	23.853.751.755	-
Các đối tượng khác	21.294.703.732	-	19.170.959.655	-
Cộng	72.916.069.823	-	131.436.766.910	-
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>47.333.644.436</i>	<i>-</i>	<i>88.483.844.760</i>	<i>-</i>

5.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2026		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	7.263.225.021	-	3.492.052.810	-
Công ty Cổ phần thiết bị vật tư Minh Hải	-	-	939.200.000	-
Công ty Cổ phần SUPER MRO	-	-	1.205.531.050	-
ABB MALAYSIA SDN BHD	94.629.965	-	664.272.000	-
Công ty TNHH LS ELECTRIC VIỆT NAM	5.090.475.900	-	-	-
Các đối tượng khác	2.078.119.156	-	683.049.760	-
Cộng	7.263.225.021	-	3.492.052.810	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.5 Các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2026		01/01/2026 (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	4.818.328.988	-	457.997.177	-
Tạm ứng (i)	3.682.684.737	-	357.314.337	-
Ký cược, ký quỹ	893.498.868	-	22.665.000	-
Phải thu khác	242.145.383	-	78.017.840	-
- Các khoản phải thu khác	242.145.383	-	78.017.840	-
Dài hạn	337.860.000	-	337.860.000	-
Ký cược, ký quỹ	337.860.000	-	337.860.000	-
Cộng	5.156.188.988	-	795.857.177	-

(i) Tiền tạm ứng cán bộ nhân viên là khoản tiền Công ty ứng cho các cá nhân để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hoặc giải quyết công việc được giao theo quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	592.484.077	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	56.012.142.552	-	76.384.337.636	-
Cộng	56.604.626.629	-	76.384.337.636	-

5.7 Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	1.595.696.117	717.427.419
Chi phí bảo hiểm	1.547.548.387	694.677.419
Chi phí chờ phân bổ khác	48.147.730	22.750.000
Dài hạn	23.251.171.710	24.704.975.627
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (i)	20.038.698.526	20.352.620.661
Chi phí chờ phân bổ khác	3.212.473.184	4.352.354.966
Cộng	24.846.867.827	25.422.403.046

(i) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc toà HH3 Sông Đà trong thời hạn 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.8 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2026	1.409.200.000	49.532.220.362	25.648.008.502	21.043.311.943	97.632.740.807
Mua trong kỳ	-	-	4.363.570.148	-	4.363.570.148
Số dư tại 30/06/2026	1.409.200.000	49.532.220.362	30.011.578.650	21.043.311.943	101.996.310.955
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2026	1.350.046.774	32.968.092.541	24.563.722.826	20.806.792.023	79.688.654.164
Khấu hao trong kỳ	7.500.000	1.700.335.876	830.367.165	75.492.138	2.613.695.179
Số dư tại 30/06/2026	1.357.546.774	34.668.428.417	25.394.089.991	20.882.284.161	82.302.349.343
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2026	59.153.226	16.564.127.821	1.084.285.676	236.519.920	17.944.086.643
Tại 30/06/2026	51.653.226	14.863.791.945	4.617.488.659	161.027.782	19.693.961.612

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 70.481.961.018 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 63.924.357.382 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm tin học	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2026	2.288.155.290	2.288.155.290
Mua trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2026	2.288.155.290	2.288.155.290
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2026	2.288.155.290	2.288.155.290
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2026	2.288.155.290	2.288.155.290
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2026	-	-
Tại 30/06/2026	-	-

Chi tiết danh mục tài sản cố định vô hình có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản vô hình trở lên:

STT	Tên tài sản	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
		Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
	Hệ thống công nghệ thông tin năm 2017	1.721.438.290	1.721.438.290	-	1.721.438.290	1.721.438.290	-
1	Cộng	1.721.438.290	1.721.438.290	-	1.721.438.290	1.721.438.290	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 2.288.155.290 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 2.288.155.290 đồng).

5.10 Phải trả người bán

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	8.496.485.957	96.531.968.997
Công ty TNHH Hệ thống Truyền tải và Phân phối Toshiba	-	18.429.960.705
Công ty TNHH ASIA NETWORKS PEMS	-	15.227.751.632
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật & Thương mại Tâm Thành Phát	-	6.088.347.113
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật và Nhân lực XL	-	16.757.294.513
Công ty TNHH Nguồn Nhân Lực Việt Nam Manpower VN	1.304.761.500	-
Công ty TNHH TAKA	3.310.880.994	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Quang Thịnh	1.013.045.224	-
Đối tượng khác	2.867.798.239	40.028.615.034
Cộng	8.496.485.957	96.531.968.997

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.11 Người mua trả tiền trước

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	6.444.653.696	12.861.004.426
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	-	3.029.583.609
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	-	4.966.678.673
Công ty Cổ phần Thương mại và Giải pháp Kỹ thuật Green Life	5.252.455.112	-
Đối tượng khác	1.192.198.584	4.864.742.144
Cộng	6.444.653.696	12.861.004.426
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>294.315.000</i>	<i>6.093.601.279</i>

5.12 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	1.201.627.884	1.201.627.884
Cộng	1.201.627.884	1.201.627.884

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2026
Phải nộp	1.963.034.191	11.842.135.493	12.890.976.350	914.193.334
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1.963.034.191</i>	<i>11.842.135.493</i>	<i>12.890.976.350</i>	<i>914.193.334</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	8.446.627.625	8.402.960.506	43.667.119
Thuế XNK	-	214.715.697	214.715.697	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.589.704.872	1.503.352.688	2.351.122.737	741.934.823
Thuế thu nhập cá nhân	373.329.319	1.313.480.434	1.558.218.361	128.591.392
Thuế nhà thầu	-	363.959.049	363.959.049	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.14 Chi phí phải trả

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	309.810.037	735.878.909
Chi phí quản lý nhãn hiệu tập đoàn	-	185.000.000
Chi phí phụ cấp độc hại	-	341.290.279
Chi phí lãi vay	20.370.826	-
Trích trước chi phí khác	289.439.211	209.588.630
Cộng	309.810.037	735.878.909

5.15 Doanh thu chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	36.818.182	-
Doanh thu cho thuê văn phòng	36.818.182	-
Cộng	36.818.182	-

5.16 Các khoản phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	2.894.495.831	3.538.008.678
Kinh phí công đoàn	307.852.239	305.249.674
Bảo hiểm xã hội	31.743.694	233.411.829
Bảo hiểm y tế	59.095.428	96.208.630
Bảo hiểm thất nghiệp	144.543.995	82.865.799
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.250.000	50.250.000
Phải trả, phải nộp khác	2.301.010.475	2.770.022.746
Cộng	2.894.495.831	3.538.008.678

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, Tòa nhà Hồn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.17	Vay và nợ thuê tài chính	Đơn vị tính: VND		
		30/06/2026 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND
Ngắn hạn	Vay	38.645.278.240	38.645.278.240	-
		38.645.278.240	38.645.278.240	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	- Chi nhánh Đông Đô (i)	38.645.278.240	38.645.278.240	-
		38.645.278.240	38.645.278.240	-
Cộng		38.645.278.240	38.645.278.240	-

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số MMD201557/HDCCTD ngày 19/05/2015 và Phụ lục số MMD201557/HDCCTD/PLHM-4171971 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam và Công ty Cổ phần dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; Hạn mức cấp tín dụng: 295 tỷ đồng; Thời hạn cho vay được quy định cụ thể tại Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ; Lãi suất theo từng lần giải ngân được quy định cụ thể trên Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ được lập theo mỗi lần rút vốn vay nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu do Techcombank quy định tại từng thời kỳ. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Phương án trả nợ: Nguồn tiền phải thu khách hàng từ hoạt động kinh doanh.

Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 29062026 ngày 29/06/2026; Thời hạn vay 6 tháng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động; Trả lãi 01 tháng 01 lần; Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 29/07/2026; Kỳ hạn trả nợ gốc 01 lần vào ngày đến hạn trả nợ cuối cùng dự kiến ngày 29/12/2026; Lãi suất tại ngày giải ngân 9,62%/năm sau đó thả nổi theo quy định của ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Vốn của chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	150.000.000.000	20.686.994.576	18.722.490.102	189.409.484.678
Lãi trong năm trước	-	-	14.942.230.509	14.942.230.509
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.020.249.616)	(4.020.249.616)
Chia cổ tức	-	-	(14.700.000.000)	(14.700.000.000)
Số dư tại 01/01/2026	150.000.000.000	20.686.994.576	14.944.470.995	185.631.465.571
Lãi trong kỳ này	-	-	6.228.991.091	6.228.991.091
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(2.988.446.102)	(2.988.446.102)
Số dư tại 30/6/2026	150.000.000.000	20.686.994.576	18.185.015.984	188.872.010.560

(i) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 75/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 17/4/2026 của Công ty (chi tiết tại Tờ trình số 44/TTr-DVKT-HĐQT ngày 17/03/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty), theo đó phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi 2.988.446.102 đồng, chia cổ tức 11.850.000.000 đồng. Đến thời điểm này, Công ty chưa thực hiện thông báo về ngày chốt quyền nhận cổ tức bằng tiền, do đó Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 chưa hạch toán phân phối cổ tức.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	76.500.000.000	76.500.000.000
YTL Power Service Sdn.Bhd.	27.000.000.000	27.000.000.000
America LLC	13.542.000.000	13.542.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	32.958.000.000	32.958.000.000
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	14.700.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Vốn của chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.19 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ

a. Ngoại tệ các loại

	30/06/2026	01/01/2026
Ngoại tệ các loại		
USD	1,49	1,49
EUR	147,56	147,56

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán vật tư, hàng hoá	8.558.764.600	23.607.135.320
Doanh thu cung cấp dịch vụ	176.546.541.130	115.417.782.349
Cộng	185.105.305.730	139.024.917.669
Trong đó:		
Doanh thu từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	91.378.913.217	78.203.186.948

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giá vốn vật tư, hàng hoá	8.405.453.432	22.817.559.454
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	154.155.360.140	91.278.234.150
Cộng	162.560.813.572	114.095.793.604

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.253.980.734	1.162.682.573
Cổ tức, lợi nhuận được chia	403.200.000	-
Cộng	1.657.180.734	1.162.682.573

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí đi vay	20.370.826	-
Cộng	20.370.826	-

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.844.484.769	11.245.607.716
Chi phí vật liệu quản lý	334.064.105	1.021.142.527
Chi phí khấu hao TSCĐ	246.698.776	258.638.016
Thuế phí và lệ phí	33.161.508	44.720.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.127.158.834	2.244.146.739
Các khoản chi phí quản lý khác	2.791.418.327	3.572.037.399
Cộng	16.376.986.319	18.386.293.112

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thu nhập khác		
Phạt vi phạm hợp đồng	4.553.440	-
Thu nhập khác	7.228.967	-
Cộng	11.782.407	-
Chi phí khác		
Phạt vi phạm hợp đồng	82.449.543	9.760.000
Chi phí khác	1.304.832	15.989.219
Cộng	83.754.375	25.749.219
Lợi nhuận khác	(71.971.968)	(25.749.219)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.165.497.476	5.567.011.003
Chi phí nhân công	72.821.381.447	68.575.814.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.613.695.179	2.088.766.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.845.855.788	9.866.870.377
Chi phí khác bằng tiền	13.085.916.569	10.693.656.736
Cộng	170.532.346.459	96.792.118.514

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	<i>7.732.343.779</i>	<i>7.679.764.307</i>
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế:	187.619.666	205.548.219
<i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành</i>	<i>126.000.000</i>	<i>126.000.000</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>61.619.666</i>	<i>79.548.219</i>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế:	593.444.756	13.266.373
<i>Điều chỉnh giảm chi phí trích trước</i>	<i>190.244.756</i>	<i>13.266.373</i>
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>403.200.000</i>	<i>-</i>
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.326.518.689	7.872.046.153
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.465.303.737	1.574.409.231
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	38.048.951	9.925.275
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	1.503.352.688	1.584.334.506

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 (Trình bày lại)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	6.228.991.091	6.095.429.801
Các khoản điều chỉnh tăng:	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	1.494.223.051
<i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	1.494.223.051
Lợi nhuận /(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	6.228.991.091	4.601.206.750
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi/ (lỗ)cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	415	307

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích các quỹ này. Nếu loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026, lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 trình bày lại do trong năm 2026 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số Nghị quyết số 75/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 17/04/2026 Công ty theo đó trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 2.988.446.102 đồng. Do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2025 được trừ đi ½ số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 từ 406 VND/cổ phiếu xuống còn 307 VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 (Đã trình bày)	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.095.429.801	6.095.429.801	-
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành</i>	-	(1.494.223.051)	(1.494.223.051)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.095.429.801	4.601.206.750	(1.494.223.051)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	15.000.000	15.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	406	307	(100)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC) (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cung ứng nhiên liệu Điện lực Dầu khí (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Ban quản lý Dự án điện	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Công ty liên kết của Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh	Công ty liên kết của Công ty mẹ trực tiếp
Các công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Cùng Công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH cơ khí chính xác Tân Long	Công ty liên quan với Ông Vũ Anh Tuấn - TV HĐQT kiêm Giám đốc
Công ty TNHH Thuận Việt Hà	Công ty liên quan với Ông Vũ Anh Tuấn - TV HĐQT kiêm Giám đốc
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Minh	Công ty liên quan với Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao - Thành viên HĐQT
Công ty TNHH MW Việt Nam	Công ty liên quan với Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao - Thành viên HĐQT
Công ty TNHH Thanh Tâm HD	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thành Bảo Phúc	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT
Công ty TNHH Hòa Bảo An	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Sản xuất Gia công Cơ khí Đ.Q	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Goldman Industrials	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT
Công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Công trình 688	Công ty liên quan với Ông Bùi Văn Chinh - Phó Giám đốc
Công ty TNHH HOMEJBN	Công ty liên quan với Ông Bùi Văn Chinh - Phó Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	Ông Phan Xuân Thắng - Phó Giám đốc là Thành viên HĐQT, người đại diện vốn của PPS tại PAIC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc,
Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Lương và thù lao	1.985.080.518	2.254.419.980

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và người quản lý khác (Tiếp theo)

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
		VND	VND
Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm 01/01/2026)	-	347.017.131
Ông Phùng Văn Đức	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm 01/01/2026)	328.122.633	286.917.646
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên kiêm Giám đốc	354.271.863	345.205.346
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Ủy viên	274.315.528	276.371.399
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Ủy viên	30.000.000	30.000.000
Ông Vũ Huy An	Ủy viên	30.000.000	30.000.000
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	293.139.854	290.366.591
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc	315.563.861	292.217.180
Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc	293.666.780	290.324.687
Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng BKS	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
Bà Nghiêm Thị Phụng	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Bán hàng			91.378.913.217	78.203.186.948
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	76.497.506.103	67.945.242.652
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	9.604.254.814	10.150.838.421
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	-	107.105.875
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	5.277.152.300	-
Mua hàng			660.469.588	653.768.811
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Công ty con	Trực thuộc Công ty mẹ	547.620.858	577.032.944
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Công ty con	Trực thuộc Công ty mẹ	112.848.730	76.735.867

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu khách hàng		47.333.644.436	88.483.844.760
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ	5.186.297.600	5.080.885.046
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	Trực thuộc Công ty mẹ	42.147.346.836	53.387.763.945
Công ty Cổ phần năng lượng tái tạo điện lực Dầu khí	Cùng Công ty mẹ	-	71.789.260
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	-	29.943.406.509
Người mua trả tiền trước		294.315.000	6.093.601.279
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	294.315.000	294.315.000
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	Trực thuộc Công ty mẹ	-	3.029.583.609
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	-	1.035.959.620
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	-	1.733.743.050

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Để thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 như sau:

		Tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại) VND	Tại ngày 31/12/2025 (Đã trình bày) VND	Chênh lệch VND
	Mã số			
Các khoản tương đương tiền	112	26.355.946.713	26.340.000.000	15.946.713
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	25.651.225.835	25.410.000.000	241.225.835
Phải thu ngắn hạn khác	135	457.997.177	715.169.725	(257.172.548)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	1.201.627.884	-	1.201.627.884
Phải trả ngắn hạn khác	320	3.538.008.678	4.739.636.562	(1.201.627.884)

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

Người lập

Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng

Lê Đình Thái

Giám đốc

Vũ Anh Tuấn